

**THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Thông tư 14/2015/TT-BKHCN ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ (sau đây gọi chung là đơn vị báo cáo) bao gồm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật khoa học và công nghệ như sau:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;

- Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật giáo dục đại học;

- Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;

b) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

- Các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp huyện;

c) Các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp khác có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ;

d) Các tổ chức: chính trị, chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các đơn vị trực thuộc có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ;

đ) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "*Báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ*" là báo cáo do đơn vị báo cáo lập từ số liệu ghi chép chính thức theo hệ thống biểu mẫu thống nhất và gửi cho đơn vị nhận báo cáo.

2. "*Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ*" bao gồm các quy định về đối tượng áp dụng; phạm vi; nội dung và biểu mẫu báo cáo; kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo, phương thức gửi báo cáo; quyền và trách nhiệm của đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo; phụ lục các biểu mẫu kèm theo hướng dẫn điền biểu báo cáo.

Điều 4. Phạm vi thống kê

Phạm vi thống kê bao gồm các số liệu về nhân lực, tài chính, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của đơn vị báo cáo.

Điều 5. Nội dung báo cáo và biểu mẫu báo cáo

1. Nội dung báo cáo bao gồm:

- a) Thông tin chung về đơn vị báo cáo;
- b) Nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ;
- c) Chi cho khoa học và công nghệ;
- d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- đ) Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ;
- e) Giải thưởng khoa học và công nghệ.

2. Các đơn vị báo cáo thực hiện theo biểu mẫu và hướng dẫn điền biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ (viết tắt là báo cáo thống kê) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Kỳ báo cáo là 01 (một) năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Các đơn vị báo cáo phải gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm kế tiếp của năm báo cáo.

Điều 7. Phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo thống kê gồm báo cáo bằng văn bản và tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử). Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng đơn vị báo cáo để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu. Tệp dữ liệu báo cáo phải lưu giữ theo định dạng bảng tính Excel, sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001 và không được đặt mật khẩu.

2. Báo cáo thống kê được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính và phương thức điện tử về đơn vị nhận báo cáo theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Đơn vị nhận báo cáo

1. Các đơn vị báo cáo thuộc sự quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các đơn vị báo cáo không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này gửi báo cáo về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị báo cáo:

- a) Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật;
- b) Báo cáo đầy đủ, chính xác, khách quan và đúng nội dung thông tin được quy định trong chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung báo cáo;
- c) Nộp báo cáo đúng hạn;
- d) Kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo.
- đ) Chịu trách nhiệm về tính thống nhất của báo cáo bằng văn bản và tệp dữ liệu báo cáo.

2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo:

- a) Chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ;
- b) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp số liệu từ các báo cáo thống kê cơ sở thành báo cáo thống kê tổng hợp;
- c) Yêu cầu đơn vị báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi cần thiết;
- d) Cung cấp thông tin thống kê tổng hợp trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị nhận báo cáo;
- đ) Cung cấp số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;
- e) Bảo đảm công bố, sử dụng và bảo mật thông tin thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ và Thông tư số 35/2011/TT-BKHCN ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm lập danh sách đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở trong phạm vi quản lý của mình gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chậm nhất là ngày 01 tháng 10 của năm báo cáo.

2. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an để thu thập và tổng hợp số liệu thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Công báo;
- Lưu: VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Việt Thanh

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO VÀ HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU BÁO CÁO
THỐNG KÊ CƠ SỞ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2015/TT-BKH&CN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Khoa học và Công nghệ)

Biểu 01/CS-KHCN: Thông tin chung về đơn vị báo cáo.

Biểu 02/CS-KHCN: Nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ.

Biểu 03/CS-KHCN: Chi cho khoa học và công nghệ.

Biểu 04/CS-KHCN: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Biểu 05/CS-KHCN: Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Biểu 06/CS-KHCN: Giải thưởng khoa học và công nghệ.

Biểu 01/CS-KHCN:
25/2015/TT-BKH&CN

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Có đến ngày 31/12 năm)

Ngày gửi báo cáo:.....
(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia
☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ

1. Tên đơn vị báo cáo: 1. Tên đơn vị báo cáo: 1. Tên đơn vị báo cáo: 1. Tên đơn vị báo cáo:	
2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):	
3. Tên tiếng Anh (nếu có): 3. Tên tiếng Anh (nếu có): 3. Tên tiếng Anh (nếu có): 3. Tên tiếng Anh (nếu có):	
4. Địa chỉ:Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 4. Địa chỉ: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:4. Địa chỉ: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:4. Địa chỉ: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:	
5. Thông tin liên lạcĐiện thoại: Fax: E-mail: Website: 5. Thông tin liên lạc Điện thoại: Fax: E-mail: Website:5. Thông tin liên lạc Điện thoại: Fax: E-mail: Website:5. Thông tin liên lạc Điện thoại: Fax: E-mail: Website:	
6. Số Quyết định thành lập: 7. Ngày thành lập:6. Số Quyết định thành lập: 7. Ngày thành lập:6. Số Quyết định thành lập: 7. Ngày thành lập:6. Số Quyết định thành lập: 7. Ngày thành lập:	
8. Cấp quyết định thành lập: ☐ 8.1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ☐ 8.2. Chính phủ	

- ☐ 8.3. Tòa án nhân dân tối cao
 - ☐ 8.4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
 - ☐ 8.5. Thủ tướng Chính phủ
 - ☐ 8.6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
 - ☐ 8.7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - ☐ 8.8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
 - ☐ 8.9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân
8. Cấp quyết định thành lập:
- ☐ 8.1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội
 - ☐ 8.2. Chính phủ
 - ☐ 8.3. Tòa án nhân dân tối cao
 - ☐ 8.4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
 - ☐ 8.5. Thủ tướng Chính phủ
 - ☐ 8.6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
 - ☐ 8.7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - ☐ 8.8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
 - ☐ 8.9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân
8. Cấp quyết định thành lập:
- ☐ 8.1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội
 - ☐ 8.2. Chính phủ
 - ☐ 8.3. Tòa án nhân dân tối cao
 - ☐ 8.4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
 - ☐ 8.5. Thủ tướng Chính phủ
 - ☐ 8.6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
 - ☐ 8.7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - ☐ 8.8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
 - ☐ 8.9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân
8. Cấp quyết định thành lập:
- ☐ 8.1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội
 - ☐ 8.2. Chính phủ
 - ☐ 8.3. Tòa án nhân dân tối cao
 - ☐ 8.4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
 - ☐ 8.5. Thủ tướng Chính phủ
 - ☐ 8.6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
 - ☐ 8.7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - ☐ 8.8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
 - ☐ 8.9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân

9. Mã số thuế: 9. Mã số thuế: 9. Mã số thuế: 9. Mã số thuế:

10. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Ngày cấp: Nơi cấp:
 10. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Ngày cấp:
 Nơi cấp: 10. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Ngày cấp:
 Nơi cấp: 10. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Ngày cấp:
 Nơi cấp:

11. Cơ quan quản lý trực tiếp: 11. Cơ quan quản lý trực tiếp: 11. Cơ quan quản lý trực tiếp: 11. Cơ quan quản lý trực tiếp:

12. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản: 12. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản: 12. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản: 12. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản:

13. Loại hình của đơn vị/tổ chức: ☐ 13.1. Cơ quan quản lý nhà nước

☐ 13.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

☐ 13.3. Cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:

☐ Đại học

☐ Học viện

☐ Cao đẳng

☐ 13.4. Tổ chức dịch vụ KH&CN, cụ thể:

☐ DV thông tin, thư viện

☐ DV bảo tàng cho KH&CN

☐ DV dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN

☐ DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên

☐ DV thống kê, điều tra xã hội

☐ DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng

☐ DV tư vấn về KH&CN

☐ DV sở hữu trí tuệ

- ☐ DV chuyển giao công nghệ
- ☐ DV KH&CN khác
- ☐ 13.5. Đơn vị sự nghiệp khác mục 13.2, 13.3, 13.4
- ☐ 13.6. Doanh nghiệp KH&CN
- ☐ 13.7. Doanh nghiệp
- 13. Loại hình của đơn vị/tổ chức:
 - ☐ 13.1. Cơ quan quản lý nhà nước
 - ☐ 13.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
 - ☐ 13.3. Cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:
 - ☐ Đại học
 - ☐ Học viện
 - ☐ Cao đẳng
 - ☐ 13.4. Tổ chức dịch vụ KH&CN, cụ thể:
 - ☐ DV thông tin, thư viện
 - ☐ DV bảo tàng cho KH&CN
 - ☐ DV dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN
 - ☐ DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên
 - ☐ DV thống kê, điều tra xã hội
 - ☐ DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng
 - ☐ DV tư vấn về KH&CN
 - ☐ DV sở hữu trí tuệ
 - ☐ DV chuyển giao công nghệ
 - ☐ DV KH&CN khác
 - ☐ 13.5. Đơn vị sự nghiệp khác mục 13.2, 13.3, 13.4
 - ☐ 13.6. Doanh nghiệp KH&CN
 - ☐ 13.7. Doanh nghiệp
- 13. Loại hình của đơn vị/tổ chức:
 - ☐ 13.1. Cơ quan quản lý nhà nước
 - ☐ 13.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
 - ☐ 13.3. Cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:
 - ☐ Đại học
 - ☐ Học viện
 - ☐ Cao đẳng
 - ☐ 13.4. Tổ chức dịch vụ KH&CN, cụ thể:
 - ☐ DV thông tin, thư viện
 - ☐ DV bảo tàng cho KH&CN
 - ☐ DV dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN
 - ☐ DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên
 - ☐ DV thống kê, điều tra xã hội
 - ☐ DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng
 - ☐ DV tư vấn về KH&CN
 - ☐ DV sở hữu trí tuệ
 - ☐ DV chuyển giao công nghệ
 - ☐ DV KH&CN khác
 - ☐ 13.5. Đơn vị sự nghiệp khác mục 13.2, 13.3, 13.4
 - ☐ 13.6. Doanh nghiệp KH&CN
 - ☐ 13.7. Doanh nghiệp
- 13. Loại hình của đơn vị/tổ chức:
 - ☐ 13.1. Cơ quan quản lý nhà nước
 - ☐ 13.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
 - ☐ 13.3. Cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:
 - ☐ Đại học
 - ☐ Học viện
 - ☐ Cao đẳng
 - ☐ 13.4. Tổ chức dịch vụ KH&CN, cụ thể:
 - ☐ DV thông tin, thư viện
 - ☐ DV bảo tàng cho KH&CN
 - ☐ DV dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN
 - ☐ DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên
 - ☐ DV thống kê, điều tra xã hội
 - ☐ DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng
 - ☐ DV tư vấn về KH&CN
 - ☐ DV sở hữu trí tuệ
 - ☐ DV chuyển giao công nghệ
 - ☐ DV KH&CN khác
 - ☐ 13.5. Đơn vị sự nghiệp khác mục 13.2, 13.3, 13.4
 - ☐ 13.6. Doanh nghiệp KH&CN
 - ☐ 13.7. Doanh nghiệp

- ☐ DV KH&CN khác
- ☐ 13.5. Đơn vị sự nghiệp khác mục 13.2, 13.3, 13.4
- ☐ 13.6. Doanh nghiệp KH&CN
- ☐ 13.7. Doanh nghiệp

14. Loại hình kinh tế: ☐ 14.1. Nhà nước

☐ 14.2. Ngoài nhà nước

☐ 14.3. Có vốn đầu tư nước ngoài

14. Loại hình kinh tế:

☐ 14.1. Nhà nước

☐ 14.2. Ngoài nhà nước

☐ 14.3. Có vốn đầu tư nước ngoài

☐ 14.1. Nhà nước

☐ 14.2. Ngoài nhà nước

☐ 14.3. Có vốn đầu tư nước ngoài

☐ 14.1. Nhà nước

☐ 14.2. Ngoài nhà nước

☐ 14.3. Có vốn đầu tư nước ngoài

15. Giá trị tài sản cố định (triệu đồng): 15. Giá trị tài sản cố định (triệu đồng): 15. Giá trị tài sản cố định (triệu đồng): 15. Giá trị tài sản cố định (triệu đồng):

16. Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN: 16. Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN: 16. Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN: 16. Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN:

17. Trang thiết bị nghiên cứu có giá trị lớn (từ 1 tỷ đồng trở lên theo nguyên giá): Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Tỷ đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng)

17. Trang thiết bị nghiên cứu có giá trị lớn (từ 1 tỷ đồng trở lên theo nguyên giá):

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Tỷ đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng) 17. Trang thiết bị nghiên cứu có giá trị lớn (từ 1 tỷ đồng trở lên theo nguyên giá):

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Tỷ đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng) 17. Trang thiết bị nghiên cứu có giá trị lớn (từ 1 tỷ đồng trở lên theo nguyên giá):

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Tỷ đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng)

18. Mô tả lĩnh vực nguyên cứu chính của đơn vị: (Ghi đến mã cấp 2 trong Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN) ☐ Khoa học tự nhiên ☐ Khoa học kỹ thuật và công nghệ

☐ Khoa học y, dược

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

Mô tả chi tiết:

18. Mô tả lĩnh vực nguyên cứu chính của đơn vị: (Ghi đến mã cấp 2 trong Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học kỹ thuật và công nghệ

☐ Khoa học y, dược

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

Mô tả chi tiết:

18. Mô tả lĩnh vực nguyên cứu chính của đơn vị: (Ghi đến mã cấp 2 trong Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học kỹ thuật và công nghệ

☐ Khoa học y, dược

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

Mô tả chi tiết:

18. Mô tả lĩnh vực nguyên cứu chính của đơn vị: (Ghi đến mã cấp 2 trong Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học kỹ thuật và công nghệ

☐ Khoa học y, dược

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

Mô tả chi tiết:

19. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo: ☐ Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;

☐ Không bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

19. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo:

☐ Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;

☐ Không bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

19. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo:

☐ Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;

☐ Không bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

19. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo:

☐ Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;

☐ Không bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

20. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó: 20. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó: 20. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó: 20. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó:

STT

Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân

Họ và tên thủ trưởng

Địa chỉ, điện thoại, Fax, E-mail

1

2

Người lập biểu

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 01/CS-KHCN THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Tên đơn vị báo cáo

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN). Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ, ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh, ví dụ:

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng, ví dụ:

NASATI

IOIT

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, V.A.S.T).

3. Tên tiếng Anh (nếu có)

Nếu có tên tiếng Anh, ghi tên tiếng Anh đầy đủ, không viết tắt. Viết hoa các chữ cái đầu tiên của mỗi từ. Sử dụng tên tiếng Anh chính thức được ghi trong Điều lệ hoặc trong Quyết định thành lập, ví dụ:

National Agency for Science and Technology Information

Institute of Information Technology

4. Địa chỉ

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ví dụ: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

Hà Nội

Thái Bình

Đà Nẵng

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

5. Thông tin liên lạc

Ghi các phương tiện sử dụng liên lạc với đơn vị báo cáo gồm: số điện thoại, số máy fax, địa chỉ thư điện tử (E-mail), trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử (Website).

Đối với số điện thoại và fax, ghi cả mã vùng và số điện thoại riêng. Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu gạch ngang. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

04-39349923 không ghi 04-3934 9923 hoặc 04-3934-9923

063-33822191

08-38356568

E-mail: Ghi địa chỉ E-mail của cơ quan nếu có. Trường hợp không có E-mail chung của cơ quan, ghi địa chỉ E-mail của Thủ trưởng đơn vị.

nguyenvana@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị báo cáo (nếu có), ví dụ:

http://www.vista.gov.vn

6. Số Quyết định thành lập

Ghi số Quyết định thành lập đơn vị. Trường hợp không xác định được số Quyết định thành lập, ghi số Quyết định của cơ quan cấp trên có thẩm quyền ban hành điều lệ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị báo cáo, hoặc quyết định và ngày ký về chia tách, sáp nhập, v.v..

Ví dụ: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thành lập năm 2009 trên cơ sở Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, có số Quyết định thành lập: 2889/QĐ-BKHCN

7. Ngày thành lập

Ghi ngày quyết định thành lập đơn vị. Ghi theo mẫu DD/MM/YYYY (trong đó DD là hai số ngày, MM là hai số tháng và YYYY là 4 số năm), ví dụ:

24/09/1990

17/12/2009

8. Cấp quyết định thành lập

Chỉ đánh dấu vào một mục phù hợp.

a) Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập tổ chức KH&CN thuộc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Chính phủ thành lập tổ chức KH&CN thuộc Chính phủ;

c) Tòa án nhân dân tối cao thành lập tổ chức KH&CN thuộc Tòa án nhân dân tối cao;

d) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập tổ chức KH&CN thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

đ) Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức KH&CN thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức KH&CN thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm đ mục này;

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập tổ chức KH&CN theo thẩm quyền;

h) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức KH&CN theo quy định của pháp luật và điều lệ;

i) Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập tổ chức KH&CN của mình.

9. Mã số thuế

Ghi mã số thuế của đơn vị được cơ quan thuế cấp, ví dụ:

0100231233

10. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN

Ghi số đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (nếu có) do cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN cấp.

Nơi cấp: Ghi ngày cấp và nơi cấp, ví dụ:

Số đăng ký: 123 cấp ngày 10/10/2010

Nơi cấp: Bộ Khoa học và Công nghệ

11. Cơ quan quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị báo cáo, ví dụ:

- Nếu đơn vị báo cáo là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị báo cáo là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

12. Bộ/ngành chủ quản hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản

- Nếu đơn vị báo cáo thuộc Bộ/ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó, ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Công Thương

Tòa án nhân dân tối cao

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

- Nếu đơn vị báo cáo do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý ghi UBND và tên tỉnh hoặc tp trực thuộc Trung ương chủ quản, ví dụ:

UBND Tp. Hà Nội

UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND tỉnh Hà Nam

- Nếu cơ quan chủ quản là cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, thì ghi tên của tổ chức đó, ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

13. Loại hình của đơn vị/tổ chức

Chọn và đánh dấu vào một mục phù hợp nhất.

- Nếu là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước (Ví dụ: Cục, Vụ, Sở KH&CN,...) thì chọn "*Cơ quan quản lý nhà nước*";

- Nếu là viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu thì chọn là "*Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*";

- Nếu là trường đại học, học viện, cao đẳng thì chọn là "*Cơ sở giáo dục đại học*";

- Nếu là đơn vị dịch vụ KH&CN thì ghi cụ thể theo loại hình tổ chức dịch vụ: "*DV thông tin, thư viện*", "*DV bảo tàng cho KH&CN*", "*DV dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN*", "*DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên*", "*DV thống kê, điều tra xã hội*", "*DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng*", "*DV tư vấn về KH&CN*", "*DV sở hữu trí tuệ*", "*DV chuyển giao công nghệ*" và "*DV KH&CN khác*". Ví dụ: thư viện, trung tâm thông tin thì chọn "*DV thông tin, thư viện*", trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thì chọn "*DV tiêu chuẩn đo lường chất lượng*", v.v.;

- Nếu là các đơn vị sự nghiệp không thuộc tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cơ sở giáo dục đại học; tổ chức dịch vụ KH&CN thì chọn ghi "đơn vị sự nghiệp khác";

- Nếu là doanh nghiệp KH&CN thì chọn ghi "*Doanh nghiệp KH&CN*";

- Nếu là doanh nghiệp (không phải là doanh nghiệp KH&CN) thì chọn ghi "*Doanh nghiệp*"

14. Loại hình kinh tế

Chỉ chọn và đánh dấu vào một mục phù hợp nhất:

- Kinh tế Nhà nước;
- Kinh tế ngoài Nhà nước;
- Có vốn đầu tư nước ngoài.

15. Giá trị tài sản cố định

Ghi tổng giá trị tài sản cố định theo kết quả kiểm kê hoặc ước tính của năm báo cáo.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

16. Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN

Số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN là số phòng thí nghiệm phục vụ các nhiệm vụ KH&CN. Ghi tổng số phòng thí nghiệm chuyên ngành về KH&CN có tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo.

17. Trang thiết bị nghiên cứu có giá trị lớn

Ghi các trang thiết bị có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên theo nguyên giá. Ghi rõ tên thiết bị, mã/model trang thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá (đơn vị tính: Tỷ đồng).

18. Mô tả lĩnh vực hoạt động/nghiên cứu chính của đơn vị

Mô tả ngắn gọn lĩnh vực nghiên cứu hay hoạt động chính của đơn vị theo các nhiệm vụ triển khai. Ghi đến mã cấp 2 trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

19. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo

Chỉ chọn đánh dấu một mục trong hai lựa chọn.

Nếu báo cáo bao gồm toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân thì chọn "*Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân*".

Nếu là đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân và báo cáo chỉ bao quát khối cơ quan tổng hợp (như văn phòng và những đơn vị không có tư cách pháp nhân thì chọn "*Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân*"). Ví dụ: Viện Ứng dụng công nghệ thuộc Bộ KH&CN. Nếu số liệu trong báo cáo là số liệu tổng hợp của tất cả các đơn vị trực thuộc (gồm cả số liệu của Trung tâm Công nghệ Laser, Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, Trung tâm Quang điện tử.v.v..) thì đánh dấu chọn mục "*Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị.v.v..*".

Nếu các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân và có báo cáo riêng, số liệu trong báo cáo chỉ bao gồm những bộ phận trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì chọn mục "*Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân*". Các đơn vị trực thuộc như Trung tâm Công nghệ Laser, Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, Trung tâm Quang điện tử,..v.v.. phải có báo cáo thống kê cơ sở riêng.

20. Danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, nếu đây là báo cáo của Viện ứng dụng công nghệ thuộc Bộ KH&CN, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân có thể gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân	Họ và tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, Fax, E-mail
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Nguyễn Văn A	04-38543117 0903xxxxxx
2	Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học	Nguyễn Văn B	04-3554062 0913xxxxxx
3	...	...	...

Biểu 02/CS-KHCN
25/2015/TT-BKHCN

NHÂN LỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Có đến ngày 31/12 năm)



Trung tâm LuậtVietnam – Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà IC, Số 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37833688 – Fax: (04) 37833699
Hotline: 016 9696 8989 – Email: lawdata@luatvietnam.vn

Ngày gửi báo cáo:
(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia
☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn				Chia theo trình độ chuyên môn				Chia theo trình độ chuyên môn				Chức danh GS, PGS			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	Giáo sư	Phó GS	3	4	5	6	7	8	9	
A	B	1	2				3	4	5	6	7	8	9					
TỔNG SỐ	01																	
<i>Trong đó số Nữ</i>	02																	
1. Chia theo dân tộc																		
1.1. Người Việt Nam	03																	
- Dân tộc Kinh	04																	
- Dân tộc thiểu số	05																	
1.2. Người nước ngoài	06																	
2. Chia theo lĩnh vực đào tạo																		
2.1. Khoa học tự nhiên	07																	
2.2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	08																	
2.3. Khoa học y, dược	09																	
2.4. Khoa học nông nghiệp	10																	
2.5. Khoa học xã	11																	

hội										
2.6. Khoa học nhân văn	12									
2.7. Khác	13									

Người lập biểu

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 02/CS-KHCN NHÂN LỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nội dung

Nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được thống kê ở trong biểu này là những lao động có hoạt động KH&CN mà đơn vị báo cáo quản lý, sử dụng và trả lương, bao gồm cả lao động trong biên chế đã được tuyển dụng chính thức và lao động hợp đồng.

Những lao động sau đây không tính vào nhân lực hoạt động KH&CN của đơn vị:

Học sinh của các trường đào tạo, dạy nghề gửi đến thực tập mà cơ quan, đơn vị không phải trả lương;

Phạm nhân của các trại gửi đến lao động cải tạo;

Lao động của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến (biệt phái) nhưng đơn vị báo cáo không trả lương.

Nhân lực hoạt động KH&CN là những người hoạt động trong các tổ chức sau: cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp.

Lưu ý: Các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, đơn vị sự nghiệp KH&CN được tính 100% nhân lực. Các đơn vị khác chỉ tính những người tham gia trực tiếp vào các nhiệm vụ KH&CN.

2. Cách điền số liệu

Cột 1: Ghi tổng số lượng theo chỉ tiêu của hàng ngang;

Cột 2-7: "Chia theo trình độ chuyên môn": Chia theo 6 trình độ: 1. Tiến sĩ; 2. Thạc sĩ; 3. Đại học; 4. Cao đẳng; 5. Trung cấp; 6. Khác.

Cột 8-9: "Chia theo chức danh GS, PGS": Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư được Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm theo Quyết định của Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học.

Dòng "Trong đó số Nữ": Dùng để xác định số lượng lao động có giới tính nữ.

Mục "1. Chia theo dân tộc": Chia theo 2 nhóm là người Việt Nam (dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số) và người nước ngoài. Nếu có lao động là người dân tộc thiểu số, thì tính tổng số, không phân biệt thành nhóm dân tộc thiểu số (như H'mong, Thái, v.v...). Nếu có người nước ngoài thì chỉ ghi số lượng, không phân biệt quốc tịch.

Mục "2. Chia theo lĩnh vực đào tạo": Chỉ tính những người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên. Chia theo các lĩnh vực lớn: 1. Khoa học tự nhiên; 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ; 3. Khoa học y, dược; 4. Khoa học nông nghiệp; 5. Khoa học xã hội; 6. Khoa học nhân văn và 7. Khác.

Biểu 03/CS-KHCN

25/2015/TT-BKHCN

CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm))

Ngày gửi báo cáo:

(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:



Trung tâm LuậtVietnam – Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà IC, Số 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (04) 37833688 – Fax: (04) 37833699

Hotline: 016 9696 8989 – Email: lawdata@luatvietnam.vn

- ☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia
☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ'

Đơn vị: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Ngân sách nhà nước	
			Ngoài NSNN	Nước ngoài	NS địa phương	
			NS Trung ương			

A	B	1	2	3	4	5
TỔNG CHI	01					
<i>Chia theo:</i>						
1. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	02					
2. CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	03					
<i>Chia theo:</i>						
2.1. Chi quỹ lương và hoạt động bộ máy	04					
<i>Trong đó:</i>						
- Chi tiền lương và phụ cấp, tiền công, các khoản đóng góp theo lương	05					
- Chi hoạt động bộ máy	06					
2.2. Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng	07					
2.3. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	08					
<i>Trong đó:</i>						
- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia	09					
- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ	10					
- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	11					
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	12					
- Nhiệm vụ KH&CN khác	13					
2.4. Chi tăng cường năng lực nghiên cứu	14					
2.5. Chi sửa chữa chống xuống cấp	15					
2.6. Chi hợp tác quốc tế	16					
2.7. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ khác	17					
3. CHI KHÁC CHO KH&CN	18					

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 03/CS-KHCN CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nội dung

Chi cho khoa học và công nghệ (KH&CN) của đơn vị là các khoản chi đầu tư phát triển KH&CN, hoạt động sự nghiệp KH&CN, chi cho KH&CN từ nguồn khác tính đến 31/12 của năm báo cáo.

Chi đầu tư phát triển KH&CN là các khoản chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung sau:

- Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng

dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thông tin và thống kê KH&CN; tổ chức trung gian của thị trường KH&CN;

- Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao;
- Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KH&CN;
- Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KH&CN.

Khoản chi cho hoạt động KH&CN có thể bao gồm khoản chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN và chi cho KH&CN từ nguồn sự nghiệp khác.

Chi sự nghiệp KH&CN là khoản chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của ngân sách nhà nước. Nguồn cấp kinh phí chia thành 3 loại:

- Ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước) được chia thành ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;
- + Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành;
- + Ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Ngoài ngân sách nhà nước ở trong nước;
- Nguồn từ nước ngoài.

2. Cách điền số liệu

Số liệu điền vào biểu là số liệu thực chi trong năm thống kê.

- **Cột 1:** Ghi tổng số theo loại (khoản) chi.

Cột 2 đến cột 5 là số chi chia theo nguồn cấp kinh phí. Nguồn cấp kinh phí bao gồm: ngân sách nhà nước, ngoài ngân sách nhà nước và nước ngoài, cụ thể:

- **Cột 2-3:** Ghi số chi được đảm bảo từ ngân sách nhà nước, bao gồm:
 - + Ngân sách Trung ương (do Bộ, ngành đảm bảo chi);
 - + Ngân sách địa phương (do địa phương đảm bảo chi).
- **Cột 4:** Ghi số chi được đảm bảo từ nguồn trong nước nhưng ngoài ngân sách nhà nước (Do đơn vị tự có hoặc do doanh nghiệp hoặc đơn vị khác cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng);
- **Cột 5:** Ghi số chi do nguồn nước ngoài cấp.

Các dòng là nội dung (khoản) chi.

Mục "Tổng chi": Ghi tổng các nội dung (khoản) chi, được chia theo nguồn cấp.

Mục "1. Chi đầu tư phát triển KH&CN": Ghi kinh phí thực chi từ nguồn vốn đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật. v.v..

Mục "2. Chi sự nghiệp KH&CN": Ghi kinh phí thực chi từ nguồn sự nghiệp KH&CN để thực hiện hoạt động KH&CN. Kinh phí thực chi được chia theo nội dung chi như sau:

- Chi quỹ lương và hoạt động bộ máy: Là tiền lương và phụ cấp, tiền công, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động bộ máy;
- Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng: Là kinh phí được cấp để thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên được giao theo chức năng;
- Chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: Là các khoản chi để thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp: cấp quốc gia; cấp bộ; cấp tỉnh; cấp cơ sở và nhiệm vụ KH&CN khác bao gồm chi trực tiếp cho các nhiệm vụ KH&CN và chi cho các hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ KH&CN;
- Chi tăng cường năng lực nghiên cứu: Là các khoản chi mua sắm mới trang thiết bị nghiên cứu, sửa chữa, nâng cấp phòng thí nghiệm, trạm trại, .v.v..;
- Chi sửa chữa chống xuống cấp là khoản chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN;
- Chi hợp tác quốc tế: Là các khoản chi tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; khảo sát tìm kiếm thông tin về KH&CN, các nguồn cung ứng công nghệ ở nước ngoài; tham gia các hoạt động, sự kiện,

diễn đàn về KH&CN quốc tế; niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế về KH&CN; vốn đối ứng các dự án quốc tế về KH&CN; bảo đảm hoạt động của mạng lưới đại diện KH&CN ở nước ngoài;

- Chi sự nghiệp KH&CN khác.

Mục "3. Chi khác cho KH&CN": Ghi kinh phí từ các nguồn khác (như từ nguồn ngân sách bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, v.v...) mà tổ chức được thụ hưởng để triển khai các nhiệm vụ KH&CN và phát triển tiềm lực KH&CN.

Biểu 04/CS-KHCN

25/2015/TT-BKHCN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm)

Ngày gửi báo cáo:

(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia

☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ

Đơn vị tính: Nhiệm vụ

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành		Tình trạng tiến hành	Tình trạng tiến hành	Tình trạng tiến hành
				Tình trạng tiến hành		Tình trạng tiến hành	Tình trạng tiến hành	Tình trạng tiến hành
				Số đang tiến hành		Số đang tiến hành	Số đang tiến hành	Số đang tiến hành
				Số được nghiệm thu	Số đã đưa vào ứng dụng	Số đang tiến hành	Số đang tiến hành	Số đang tiến hành
Số phê duyệt mới trong năm				Số chuyển tiếp từ năm trước				
A	B	1	2	3	4	5	6	
1. Tổng số đề tài/đề án KH&CN	01							
1.1. Chia theo cấp đề tài/đề án								
- Cấp quốc gia	02							
- Cấp bộ	03							
- Cấp tỉnh	04							
- Cấp cơ sở	05							
- Cấp khác	06							
1.2. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu								
- Khoa học tự nhiên	07							
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	08							
- Khoa học y, dược	09							
- Khoa học nông nghiệp	10							
- Khoa học xã hội	11							
- Khoa học nhân văn	12							
1.3. Chia theo nguồn cấp kinh phí								
- Ngân sách nhà nước	13		X					
Trong đó:								
+ Trung ương	14		X					
+ Địa phương	15							
- Doanh nghiệp	16		X					
-Trường đại học	17		X					
- Nước ngoài	18		X					

- Nguồn khác	19		X				
2. Tổng số dự án	20						
2.1. Chia theo cấp dự án							
- Cấp quốc gia	21						
- Cấp bộ	22						
- Cấp tỉnh	23						
- Cấp cơ sở	24						
- Cấp khác	25						
2.2. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu							
- Khoa học tự nhiên	26						
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	27						
- Khoa học y, dược	28						
- Khoa học nông nghiệp	29						
- Khoa học xã hội	30						
- Khoa học nhân văn	31						
2.3. Chia theo nguồn cấp kinh phí							
- Ngân sách nhà nước <i>Trong đó:</i>	32		X				
+ <i>Trung ương</i>	33		X				
+ <i>Địa phương</i>	34		X				
- Doanh nghiệp	35		X				
- Trường đại học	36		X				
- Nước ngoài	37		X				
- Nguồn khác	38		X				

Người lập biểu

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 04/CS-KHCN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nội dung

1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) theo loại hình nhiệm vụ

- Đề tài KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm;

- Đề án khoa học: Nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật;

- Dự án sản xuất thử nghiệm: Nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

- Dự án KH&CN: Nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định;

- Ngoài ra còn có các nhiệm vụ KH&CN khác như: Chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng, nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư và nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng thi tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể sẽ được xác định là đề tài, đề án và dự án.

1.2. Nhiệm vụ KH&CN theo tình trạng tiến hành

- Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành là nhiệm vụ KH&CN đang được triển khai thực hiện trong thực tế tính tại thời điểm thuộc kỳ báo cáo bao gồm:

+ Nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt mới trong năm;

+ Nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp từ năm trước.

- Nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu là những nhiệm vụ đã được Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thành lập theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền (Ví dụ: Hội đồng cấp quốc gia đối với nhiệm vụ cấp quốc gia; Hội đồng cấp bộ đối với nhiệm vụ cấp bộ). Không tính những nhiệm vụ cấp quốc gia và cấp bộ mới chỉ qua bước nghiệm thu cấp cơ sở.

- Nhiệm vụ KH&CN đã đưa vào ứng dụng là nhiệm vụ KH&CN đã có ứng dụng kết quả thực hiện được quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

2. Cách điền số liệu

Đơn vị tính: Nhiệm vụ

Cột 1: Ghi tổng số nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong năm.

Cột 2: Ghi số nhiệm vụ KH&CN do cán bộ nữ làm chủ nhiệm. Chỉ tính khi chủ nhiệm nhiệm vụ là nữ, không tính nếu chỉ có cán bộ nữ trong danh sách thành viên thực hiện chính.

Cột 3-6: Ghi số nhiệm vụ KH&CN theo tình trạng tiến hành bao gồm: số nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành (trong đó được chia theo số phê duyệt mới trong năm và số chuyển tiếp từ năm trước), số được nghiệm thu và số đã đưa vào ứng dụng.

Chỉ tính những nhiệm vụ KH&CN mà đơn vị báo cáo là tổ chức chủ trì nhiệm vụ: không tính những nhiệm vụ mà đơn vị chỉ tham gia với tư cách cơ quan phối hợp để tránh trùng lặp.

Mục "1.1. Chia theo cấp đề tài/đề án" và "2.1. Chia theo cấp dự án": Ghi số lượng nhiệm vụ KH&CN theo cấp quản lý: cấp quốc gia; cấp bộ; cấp tỉnh; cấp cơ sở và cấp khác.

Mục 1.2 và mục 2.2 "Chia theo lĩnh vực nghiên cứu KH&CN": Gồm 6 lĩnh vực nghiên cứu: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn.

Mục 1.3 và mục 2.3 "Chia theo nguồn cấp kinh phí": Ghi số lượng nhiệm vụ KH&CN theo nguồn cấp kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN bao gồm số lượng nhiệm vụ KH&CN từ nguồn kinh phí nhà nước, số lượng nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí từ doanh nghiệp, số lượng nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí lấy từ trường đại học, số lượng nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí lấy từ nước ngoài và số lượng nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí từ các nguồn khác.

Lưu ý: Không ghi số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ tại mục "Chia theo nguồn cấp kinh phí".

HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm)

Ngày gửi báo cáo:
(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:
Đơn vị nhận báo cáo:
☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia
☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
A	B	C	1	2
1. SỐ NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ HTQT VỀ KH&CN MÀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	01	Nhiệm vụ		
1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu				
- Khoa học tự nhiên	02	Nhiệm vụ		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	03	Nhiệm vụ		
- Khoa học y, dược	04	Nhiệm vụ		
- Khoa học nông nghiệp	05	Nhiệm vụ		
- Khoa học xã hội	06	Nhiệm vụ		
- Khoa học nhân văn	07	Nhiệm vụ		
1.2. Chia theo hình thức hợp tác				
- Đa phương	08	Nhiệm vụ		
- Song phương	09	Nhiệm vụ		
- Nghị định thư	10	Nhiệm vụ		
- Khác	11	Nhiệm vụ		
1.3. Chia theo đối tác quốc tế/nước ngoài				
- Nước/tổ chức...		Nhiệm vụ		
- Nước/tổ chức...		Nhiệm vụ		
1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí				
- Ngân sách nhà nước	12	Triệu đồng	X	
Trong đó:				
+ NS Trung ương	13	Triệu đồng	X	
+ NS địa phương	14	Triệu đồng	X	
- Ngoài NSNN	15	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	16	Triệu đồng	X	
2. ĐOÀN RA				
2.1. Số đoàn của đơn vị ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN	17	Đoàn		
2.2. Số người của đơn vị ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN	18	Người		X
3. ĐOÀN VÀO				
3.1. Số đoàn của nước ngoài/tổ chức quốc tế do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam	19	Đoàn		
3.2. Số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam	20	Người		X
4. SỐ NGƯỜI CỦA ĐƠN VỊ THAM GIA HỘI NGHỊ/HỘI THẢO QUỐC TẾ (tổ chức cả trong và ngoài nước)	21	Người		X
5. SỐ NGƯỜI CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC LÀM VIỆC TẠI CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN KH&CN	22	Người		X

Người lập biểu

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 05/CS-KHCN HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nội dung

Biểu thống kê thu thập thông tin về những nội dung chính sau:

- Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) mà đơn vị báo cáo tham gia;
- Số đoàn ra và số người của đơn vị được cử ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN;
- Số đoàn vào và số người nước ngoài được đơn vị chủ trì đón vào nghiên cứu, khảo sát, làm việc về KH&CN;
- Số người của đơn vị tham gia hội nghị/hội thảo quốc tế;
- Số người của đơn vị được tuyển chọn hoặc được cử làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN.

2. Cách điền số liệu

Cột 1: Ghi tổng số của từng chỉ tiêu theo đơn vị tính.

Cột 2: Ghi tổng kinh phí các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN, chi phí cho các đoàn ra và đoàn vào. Đơn vị tính là triệu đồng.

Mục "1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN mà đơn vị chủ trì"

Ghi số đề tài/dự án và kinh phí hợp tác quốc tế mà đơn vị báo cáo là đối tác chính từ phía Việt Nam.

Mục "1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu": Ghi số nhiệm vụ và kinh phí hợp tác quốc tế chia theo lĩnh vực nghiên cứu. Chỉ cần ghi chi tiết đến cấp 1 của Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN như sau:

- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội;
- Khoa học nhân văn.

Mục "1.2. Chia theo hình thức hợp tác": Ghi số nhiệm vụ và kinh phí hợp tác quốc tế theo hình thức hợp tác, gồm:

- Đa phương;
- Song phương;
- Nghị định thư;
- Khác.

Mục "1.3. Chia theo đối tác quốc tế/nước ngoài": Ghi số nhiệm vụ và kinh phí chia theo nước hoặc tổ chức quốc tế đối tác, ví dụ:

1.3 Chia theo đối tác quốc tế/nước ngoài	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
Hoa Kỳ		Nhiệm vụ	1	700
World Bank		Nhiệm vụ	1	400

Mục "1.4. Chi theo nguồn cấp kinh phí": Ghi kinh phí hợp tác quốc tế chia theo nguồn cấp bao gồm: ngân sách nhà nước, ngoài ngân sách nhà nước và nước ngoài.

Tổng kinh phí hợp tác quốc tế về KH&CN bao gồm kinh phí do phía Việt Nam cấp và kinh phí đối ứng của nước ngoài.

Lưu ý: Các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn ODA thì được tính là Ngân sách nhà nước.

Mục "2. Đoàn ra"



Trung tâm LuậtVietnam – Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà IC, Số 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37833688 – Fax: (04) 37833699
Hotline: 016 9696 8989 – Email: lawdata@luatvietnam.vn

Mục "2.1. Số đoàn ra": Thống kê theo số đoàn và số người được cử chính thức bằng một quyết định hành chính (của cấp chủ quản hoặc của thủ trưởng đơn vị/tổ chức). Trường hợp có nhiều quyết định cử người do mức độ phân cấp quản lý khác nhau (ví dụ, lãnh đạo đơn vị theo quyết định của Lãnh đạo Bộ, nhân viên đi theo quyết định cử người của lãnh đạo đơn vị), nhưng nếu đi thành một đoàn cùng nhau, cùng mục đích, cùng địa điểm và cùng chuyến đi thì chỉ coi là một đoàn.

Đi dự hội nghị/hội thảo quốc tế ở nước ngoài cũng được coi là đoàn ra.

Ghi số lượng và kinh phí tương ứng.

Mục "2.2. Số người ra": Số người ra được hiểu là số người ra nước ngoài của đoàn ra. Ghi số lượng tương ứng.

Mục "3. Đoàn vào"

Mục "3.1. Số đoàn vào": Đoàn vào là một lần đoàn quốc tế do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KH&CN tại Việt Nam. Không tính số đoàn đến thăm và làm việc với đơn vị/tổ chức nhưng do đơn vị khác chủ trì mời vào Việt Nam.

Ghi số lượng và kinh phí tương ứng.

Mục "3.2. Số người vào": Số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam được tính theo số người. Chỉ tính người của các đoàn do đơn vị chủ trì mời vào. Không tính số người đến thăm hoặc làm việc với đơn vị/tổ chức nhưng vào Việt Nam cơ quan hoặc đơn vị khác chủ trì mời và đón tiếp.

Ghi số lượng tương ứng.

Mục "4. Số người của đơn vị tham gia hội nghị/hội thảo quốc tế"

Số người của đơn vị tham gia hội nghị/hội thảo quốc tế (kể cả hội nghị/hội thảo quốc tế được tổ chức trong nước) được tính theo số người được cử đi hoặc được mời dự hội nghị/hội thảo quốc tế. Không tính số người được cử đi khảo sát.

Mục "5. Số người của đơn vị được làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN"

Số người của đơn vị được làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN theo các hình thức như: Được cử đi và được tuyển chọn.

Số người của đơn vị/tổ chức được cử đi làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN là những người thuộc biên chế của đơn vị/tổ chức nhưng được cử vào hoặc được tuyển vào làm việc lâu dài theo nhiệm kỳ hoặc không xác định thời hạn tại các tổ chức quốc tế, sau khi hết nhiệm kỳ hoặc kết thúc làm việc tại tổ chức đó sẽ trở về làm việc tại đơn vị/tổ chức.

Những người được tuyển chọn vào làm việc tại tổ chức quốc tế là những người trong năm báo cáo đã từng làm việc tại đơn vị nhưng tham gia tuyển chọn và được tổ chức quốc tế chọn vào làm việc nên đã cắt biên chế hoặc thôi không làm việc tại đơn vị/tổ chức.

Lưu ý: Chỉ tính số người của đoàn ra, đoàn vào, không tính lượt người và không ghi số liệu vào các ô đánh dấu (X).

Biểu 06/CS-KHCN

25/2015/TT-BKHCN

GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Có đến ngày 31/12 năm)

Ngày gửi báo cáo:
(trước ngày 01/02 theo dấu bưu điện)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN quốc gia
- ☐ Sở KH&CN tỉnh/tp trực thuộc TƯ

Đơn vị tính: Giải thưởng

	Mã số	Tổng số	Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ Chia theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ

			Khoa học tự nhiên						
Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học y dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn					
A	B	1	2		3	4	5	6	7
TỔNG SỐ	01								
1. Chia theo loại giải thưởng									
1.1. Giải thưởng trong nước	02								
- Giải thưởng Hồ Chí Minh	03								
- Giải thưởng Nhà nước	04								
- Giải thưởng cấp bộ	05								
- Giải thưởng cấp tỉnh	06								
- Giải thưởng khác	07								
1.2. Giải thưởng quốc tế	08								
2. Chia theo cá nhân/tập thể									
2.1. Tập thể	09								
2.2. Cá nhân	10								
- Nam	11								
- Nữ	12								

Người lập biểu

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 06/CS-KHCN GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nội dung

Giải thưởng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong nước và quốc tế được trao tặng là những giải thưởng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức trong nước có uy tín, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế trao tặng cho cá nhân, tổ chức Việt Nam về thành tích phát triển KH&CN ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

2. Cách điền số liệu

Cột 1: Ghi tổng số giải thưởng KH&CN theo các lĩnh vực nghiên cứu KH&CN (Cột 1 = cột 2 + cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7).

Cột 2-7: Ghi số lượng giải thưởng KH&CN chia theo lĩnh vực nghiên cứu của giải thưởng.

Mục "Tổng số giải thưởng được nhận"

Ghi số lượng giải thưởng được trao tặng cho các tổ chức, cá nhân mà đơn vị quản lý.

Mục "1. Chia theo loại giải thưởng":

- Giải thưởng trong nước chia thành:

+ Giải thưởng Hồ Chí Minh: Là giải thưởng KH&CN được Chủ tịch nước quyết định trao tặng cho các tổ chức, cá nhân có công trình đặc biệt xuất sắc, công trình có giá trị rất cao về khoa học, ứng dụng thành công và có hiệu quả trong các công trình trọng điểm quốc gia, công trình có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống của nhân dân, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, v.v.. (được quy định cụ thể tại các Điều 9, 10, 11 của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN);

+ Giải thưởng Nhà nước: Là giải thưởng KH&CN được Chủ tịch nước quyết định trao tặng cho các tổ chức, cá nhân có công trình đạt giá trị cao về công nghệ, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội (được quy định cụ thể tại Điều 12, 13, 14 của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP);

+ Giải thưởng cấp bộ: Là giải thưởng KH&CN được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương quyết định trao tặng cho các tổ chức, cá nhân căn cứ theo giá trị KH&CN (*công trình nghiên cứu bổ sung được tri thức mới, phát hiện khoa học mới thay đổi đời sống sản xuất, đời sống xã hội; tạo ra công nghệ mới cao hơn công nghệ tương tự khác, v.v..*) và theo giá trị thực tiễn (*công trình nghiên cứu khoa học phải tác động đến nhận thức và đời sống xã hội hoặc góp phần xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, đổi mới công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao, v.v..*) được quy định cụ thể tại Điều 25 của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP (Ví dụ: Giải thưởng Tạ Quang Bửu của Bộ KH&CN);

+ Giải thưởng cấp tỉnh: Là giải thưởng KH&CN được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định trao tặng cho các tổ chức, cá nhân theo giá trị KH&CN và giá trị thực tiễn được quy định cụ thể tại Điều 25 của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP;

+ Giải thưởng khác: Là các giải thưởng được trao tặng cho các tổ chức, cá nhân về KH&CN không thuộc 4 loại giải thưởng trên (Ví dụ: Giải thưởng Kova, Giải thưởng Honda Y-E-S, v.v..);

Giải thưởng quốc tế: Ghi số lượng giải thưởng mà tổ chức quốc tế, nước ngoài phong tặng cho đơn vị hoặc cho cá nhân do đơn vị quản lý.

Mục "2. Chia theo giải thưởng cá nhân/tập thể":

- Giải thưởng cho tập thể: Giải thưởng ghi tặng cho tổ chức, cơ quan, v.v..;

- Giải thưởng cá nhân: Giải thưởng tặng cho cá nhân hoặc tập thể một nhóm cá nhân có nêu tên. Chia ra số nam và số nữ được trao tặng.

Nếu giải thưởng tặng chung cho một nhóm người (nhiều tên) thì cũng chỉ tính là một giải thưởng.

Được phép tính trùng nếu đơn vị, cá nhân được trao tặng nhiều loại giải thưởng khác nhau.

Không coi các loại khen thưởng như bằng khen, giấy khen, huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, v.v.. là hình thức giải thưởng.